TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/DS-PT
Ngày: 15 - 02-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Phước Hưng;
- Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CT, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị D, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 05, ấp HL 1, xã VL, huyện CT, tỉnh An Giang. Số điện thoại liên hệ: 0921.xxx.xxx

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn L, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số 530, ấp BP1, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 28, ấp HL 1, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 09, ấp HT, xã HBT, huyện CT, tỉnh An Giang;

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T có ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 51/2, đường Bùi Thị X, khóm ĐA2, phường MX, thành phố **LX**, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2022).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn L là bị đơn

Các đương sự: Võ Thị D, Trần Văn L và Trần Ngọc P có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau:

Vào ngày 11/3/2014, bà Võ Thị D vay của Quỹ tín dụng Mỹ Bình số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) với lãi suất 1,3%/ tháng, sau khi nhận được số tiền trên thì bà Võ Thị D đã cho ông Trần Văn L vay lại số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), với lãi suất 5,5%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 11/3/2014 đến ngày 11/3/2015. Việc cho ông L vay số tiền này là do thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn T (tự Bé Sáu), số tiền do ông T nhận thay và sau đó cả 03 người cùng giáp mặt, ông Trần Văn L đã ký giấy nhận nợ. Mặc dù ông Nguyễn Văn T đã nhận lãi trước của ông Trần Văn L 06 tháng nhưng sau đó chỉ đưa lại cho bà Võ Thị D 02 tháng, từ khi nhận tiền vay đến nay thì ông Trần Văn L không trả vốn, lãi mà 02 người đổ số nợ qua lại cho nhau đồng thời lánh mặt và không trả nợ.

Bà Võ Thị D khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, ông Nguyễn Văn T liên đới trách nhiệm trả số tiền đã vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), đồng thời tính tiền lãi chậm trả theo qui định của pháp luật kể từ ngày ký biên nhận nợ 11/3/2014 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông L trả vốn 50.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 11/3/2014 đến nay là 85 tháng với mức lãi suất theo quy định pháp luật, đồng ý khấu trừ 06 tháng lãi theo như nội dung biên nhận đã ghi, rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T liên đới trách nhiệm trả nợ.

Theo bản tự khai của bị đơn ông Trần Văn L có nội dung như sau:

Vào năm 2013 do hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ông Trần Văn L vừa chết thì các con tranh chấp đất đai và yêu cầu chia thừa kế trong khi ông đã ký giấy chuyển nhượng đất ruộng để thanh toán nợ nần. Khi đó ông Nguyễn Văn T có gặp ông Trần Văn L và nói sẽ giúp lo các thủ tục giấy tờ về đất đai chia cho các con ổn thỏa nên ông L có nghe theo, tuy nhiên do không có tiền để làm thủ tục nên ông Nguyễn Văn T có hứa sẽ thực hiện thay. Ông Trần Văn L và bà Võ Thị D không quen biết nhau nhưng giữa hai bên thỏa thuận vay tiền như thế nào thì ông L không biết rõ nội dung sự việc, sau đó Nguyễn Văn T có kêu ký nhận nợ với bà D số tiền 50.000.000đ nhưng do không biết chữ và hoàn cảnh gia đình hoang mang nên đã đồng ý ký nhận nợ nhưng thực sự thì ông Trần Văn L không có nhận tiền mặt đồng nào.

Nay bà Võ Thị D yêu cầu trả số nợ 50.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 11/3/2014 thì ông Trần Văn L không đồng ý, do không có nhận tiền vay. Yêu cầu ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả số nợ này cho bà Võ Thị D..

Theo bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có nội dung như sau:

Vào năm 2014, ông Trần Văn L có nhờ ông T vay dùm của bà Võ Thị D số tiền 50.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, sau khi nhận tiền vay thì ông đã giao số tiền này cho ông Trần Văn L sử dụng. Sau đó, do ông Trần Văn L không đưa tiền đóng lãi đầy đủ nên có dẫn ông L đến giáp mặt với bà D và ông L có viết giấy nhận nợ lại với bà D, từ đó về sau thì ông không còn biết và liên quan đến số nợ giữa bà Võ Thị D và ông Trần Văn L.

Nay bà Võ Thị D yêu cầu ông Trần Văn L trả số nợ 50.000.000đ và lãi suất, phía ông Trần Văn L yêu cầu ông trả thay số nợ này thì ông Nguyễn Văn T không đồng ý, do số nợ này đã bàn giao và các bên đã thống nhất ký nhận nợ với nhau nên không còn trách nhiệm. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CT, tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D. Buộc ông Trần Văn L trả cho bà Võ Thị D số tiền đã vay vốn, lãi tổng cộng là 104.050.000đ (một trăm lẻ bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị D là buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả số nợ với ông Trần Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, ông Trần Văn L kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 ông L có gửi văn bản trình bày: Do trước đây ông không biết nên không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nay phát hiện trong bản án sơ thẩm có nhận định phần này nên ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện theo luật định.

Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bị đơn là ông Trần Văn L vẫn giữ nguyên kháng cáo và ý kiến trình bày như đã nêu trên.

Nguyên đơn là bà Võ Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ông L trả nợ, tuy nhiên bà D tự nguyện giảm một phần tiền lãi cho ông L, cụ thể bà D chỉ yêu cầu ông L trả số tiền vốn, lãi là 80.000.000đ.

Ông Trần Ngọc P đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày: Trước đây ông L có nhờ ông T vay dùm của bà D số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triều đồng) để làm chi phí lo thủ tục giấy tờ về đất đai của gia đình ông L. Vụ việc vay mượn thống nhất như trình bày của ông T ở giả đoạn xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, do sau khi ông L không trả lãi thì ông T có dẫn ông L đến gặp bà D để xác nhận tiền này là do ông L vay của bà D, đồng thời ông L có viết biên nhận nợ với bà D. Do vậy, xem nhu số tiền này ông L vay của bà D, ông T không có nghĩa vụ trả nợ cho bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Từ khi thụ lý phúc thẩm, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Trần Văn L có nội dung rõ ràng, nộp trong thời hạn luật định và ông L đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án:

Thông nhất nội dung vụ án như cấp sơ thẩm đã nêu. Việc ông L yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở xem xét.

Ông L thừa nhận có ký tên trong biên nhận nợ ngày 11/3/2014, nên đủ cơ sở xác định ông L có vay của bà D số tiền 50.000.000đ, lãi suất 5,5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày sau khi vay tiền chỉ trả được 02 tháng tiền lãi thì ngưng, nên Trung mới dẫn ông L đến gặp bà D và ký nhận nợ với bà D, đều này cho thấy việc vay mượn đã xảy ra trước đó ít nhất là 02 tháng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L trả cho bà D số tiền vốn vay 50.000.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính lãi suất 20%/năm đối với số tiền còn nợ tính từ 11/3/3014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 22/4 2021 là cao so với mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm hai bên xác lập hợp đồng vay. Lẽ ra phải điều chỉnh lại theo mức lãi 1,125%/tháng tính từ 11/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/4 2021, sau đó khấu trừ lại 6 tháng tiền lãi đã trả theo mức lãi thỏa thuận khi vay, nhưng do tại phiên tòa phúc thẩm bà D tự nguyện giảm cho ông L một phần tiền lãi, cụ thể bà D chỉ yêu cầu ông L trả 50.000.000đ tiền vốn và 80.000.000đ tiền lãi là có lợi cho ông L, nên đề nghị chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn L; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông L trả cho bà D số tiền vốn và lãi là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội dồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của ông Trần Văn L: Bản án dân sự sơ thẩm được tuyên án ngày 22 tháng 4 năm 2021, khi xét xử vắng mặt ông L, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tống đạt Bản án cho ông Trần Văn L vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, đến ngày 10 tháng 5 năm 2021, ông Trần Văn L kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Xet thấy, đơn kháng cáo của ông L nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật, ông L tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối với ông Nguyễn Văn T không có đơn kháng cáo, ông T đã được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang triệu tập hợp lệ nhưng vắng không có lý do. Tuy nhiên, vào ngày 20/01/2022 ông T có lập văn bản ủy quyền cho ông Trần Ngọc P tham gia tố tụng, nay ông Phước có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo tờ biên nhận vay tiền ghi ngày 11/3/2014 có nội dung: Ông Trần Văn L sinh năm 1962, ngụ ấp Bình Phú I, xã BH, huyện CT, An Giang có nhận của bà Võ Thị D số tiền 50.000.000đ, lãi suất 5,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng để sử dụng việc gia đình, đã đóng lãi trước 06 tháng và cam kết đến ngày 11/3/2015 sẽ hoàn trả số tiền đã vay cho bà Võ Thị D, có chữ ký và dấu lăn tay của ông Trần Văn L.

Quá trình thụ lý giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông L có thừa nhận trước đó do cần tiền lo thủ tục giấy tờ về đất đai của gia đình nhưng không có tiền để thực hiện, khi được ông T gợi ý thì ông L có đồng ý nhờ ông T vay tiền dùm và làm các thủ tục về đất đai cho ông L, sau đó theo yêu cầu của ông T thì ông L có đi cùng với ông T đến gặp trực tiếp bà D và ông L trực tiếp ký tên vào biên nhận tiền ngày 11/3/2014.

Việc ông L ký tên trong biên nhận tiền ngày 11/3/2014 là sự thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ từ ông T sang ông L được bà D đồng ý, nên xem như ông L là người vay tiền của bà D. Trong thời gian dài ông L không hề có ý kiến phản đối việc ông ký tên trong biên nhận đó, chỉ đến khi bà Võ Thị D khởi kiện thì ông L mới có văn bản trình bày bị ông Nguyễn Văn T lừa dối, ép buộc nhưng không có cơ sở chứng minh.

Do đó, có căn cứ kết luận ông Trần Văn L có nhờ ông Nguyễn Văn T vay dùm của bà Võ Thị D số tiền 50.000.000đ, lãi suất 5,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, đã trả trước được 06 tháng tiền lãi. Sau đó, các bên có thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ từ ông T sang ông L được bà D đồng ý, nên xem như số tiền trên ông L là người vay của bà D, nên ông L là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà D.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L trả cho bà D 50.000.000 đồng tiền vốn vay là có cơ sở.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất 20%/năm (bằng 1,666%/tháng) đối với số tiền chưa thanh toán là không đúng quy định, bởi các lý do sau:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì đối với các giao dịch dân sự được xác lập trước ngày bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:

Giao dịch chưa thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì chủ thể giao dịch tiếp tục thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11, trừ trường hợp các bên của giao dịch dân sự có thỏa về sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức của giao dịch để phù hợp với Bộ luật này và để áp dụng quy định của Bộ luật này.

Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11.

Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng dân sự, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật. Trong đó tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 có quy định: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 50% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng. Quy định này có nội dung khác với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 về tính lãi suất.

Tại thời điểm các bên xác lập hợp đồng vay tài sản, lãi suất nợ quá hạn được áp dụng để tính lãi chậm trả theo quy định Ngân hàng Nhà nước là 1,125 %/tháng, mức lãi này thấp hơn mức lãi 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do vậy trong trường hợp này số tiền còn nợ được tính lãi suất như sau:

Vốn vay 50.000.000đ tính từ ngày 11/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/4/2021 làm tròn là 85 tháng, lãi suất 1,125%/tháng.

50.000.000đ x 1,125% x 85 tháng = 53.789.062đ, làm tròn số 53.789.000đ.

Tổng cộng vốn, lãi: 50.000.000đ + 53.789.000đ = 103.789.000đ.

Tiền lãi đã trả: 50.000.000đ x 5,5%/tháng x 06 tháng = 16.500.000đ;

Sau khi khấu trừ lại tiền lãi đã trả thì số nợ còn lại là: 103.789.000đ - 16.500.000đ = 87.239.000đ.

Lẽ ra phải phải buộc ông L trả cho bà D tổng số tiền vốn, lãi là 87.239.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D tự nguyện giảm một phần tiền lãi, cụ thể bà D chỉ yêu cầu ông L trả số tiền vốn, lãi tổng cộng 80.000.000 đồng, việc này là có lợi cho ông L nên được chấp nhận.

[2.2] Hợp đồng vay tài sản giữa bà D và ông L có thời hạn là 01 tính từ ngày 11/3/2014 đến ngày 11/3/2015. Do đến hạn ông L không trả nợ, các bên không có thỏa thuận nào khác nên xác định kể từ sau ngày 11/3/2015 ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà D, đến khi bà D khởi kiện vào ngày 26/10/2020 thì đã quá 03 năm. Tuy nhiên, do trong quá trình cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, không ai có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L mới yêu cầu áp dụng thời hiệu nên yêu cầu này của ông L là không cơ sở xem xét theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Do có số tiền buộc ông L phải trả cho bà D có giảm lại, nên số án phí dân sự sơ thẩm ông L phải chịu cũng được điều chỉnh lại theo quy định.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Trần Văn L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CT.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về nội dung, nên người kháng cáo là ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST, ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D. Buộc ông Trần Văn L trả cho bà Võ Thị D số tiền đã vay vốn, lãi tổng cộng là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị D là buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả số nợ cùng với ông Trần Văn L.

3. Về án phí, lệ phí sơ thẩm:

- Ông Trần Văn L phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà D được nhận lại 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007353 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, An Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông L được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007289 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CT;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Sơn